TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 49/2021/QĐST- HNGĐ	*Phúc Yên, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1999;

Bị đơn: Anh Đỗ Minh Đ, sinh năm 1995.

Đều trú tại: Tổ 06, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Minh Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Minh Đ có một con chung là cháu Đỗ Hiếu T sinh ngày 15 tháng 11 năm 2018 (hiện nay cháu T đang ở cùng chị D). Ly hôn, chị D là người tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Hiếu T đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thể lao động tự túc được. Anh Đ có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D theo phương thức hàng tháng chậm nhất vào ngày mùng 10 (dương lịch), với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị D tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008812 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Vũ Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP.P;
- THADS TP.P;
- UBND P.T, TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Anh Vũ